

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08-10-2018.

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phùng Văn Minh.

2/ Ông Nguyễn Văn Dễ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Mãi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ tỉnh Long An.

Ngày 08/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 109/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/7/2018 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2018, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: **Ông Đoàn Thái B**, sinh năm 1954. Có mặt.

Địa chỉ: Số xx, ấp B, xã M, huyện T, tỉnh L.

2/ Bị đơn: **Bà Đào Thủy H**, sinh năm 1957. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số x, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2018 và tại phiên tòa của nguyên đơn ông Đoàn Thái B trình bày:

Do quen biết và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên năm 1984 ông và bà Đào Thủy H sống chung, không có tổ chức lễ cưới. Đến năm 201x có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M cấp Giấy chứng nhận kết hôn số x/201x ngày xx/x/201x.

Sau khi chung sống, vợ chồng sống tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh L. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vợ chồng cắt đứt quan hệ từ tháng 6/2016 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Đào Thủy H.

Vợ chồng có 03 con chung tên Đoàn Thị Ngọc H1, sinh năm 1985; Đoàn Thị Ngọc H2, sinh năm 1988; Đoàn Ngọc P, sinh năm 1988. Hiện các con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ trả nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Bị đơn bà Đào Thủy H trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các thông báo về phiên hòa giải và phiên tòa xét xử nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Do bà H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Đào Thủy H vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Hoa theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Đoàn Thái B có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ chấp nhận cho đương sự được ly hôn với bà Đào Thủy H. Đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Ông B yêu cầu được ly hôn với bà H, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa ông và bà H không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông và bà H cắt đứt quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 6/2016 cho đến nay. Xét, hôn nhân giữa ông B và bà H có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã M cấp Giấy chứng

nhận kết hôn số x/201x ngày xx/x/201x, đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này chứng minh bà Hoa không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông B là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Đoàn Thị Ngọc H1, sinh năm 1985; Đoàn Thị Ngọc H2, sinh năm 1988; Đoàn Ngọc P, sinh năm 1988. Hiện các con chung đã thành niên, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về chia tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử xét không đề cập xem xét.

[7] Nghĩa vụ trả nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử xét không đề cập xem xét.

[8] Án phí: Ông Đoàn Thái B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, ông Đoàn Thái B người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 228; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51; 56; 57 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Đoàn Thái B và bà Đào Thủy H.

2. Án phí: Ông Đoàn Thái B được miễn án phí. Hoàn trả cho ông B số tiền tạm ứng án đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006437 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Tân Trụ.
- THA DS huyện Tân Trụ.
- Các đương sự.
- UBND xã M, huyện T;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa